

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản số: 18/2022/HS-ST

Ngày 30 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Chu Văn Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Cao Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1983, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Khương Thị K; vợ: Ngô Thị T có 04 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

2. **Ngô Thị T**, sinh năm 1982, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị N; chồng: Nguyễn Văn C có 04 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2021 chuyển tạm giam 24/9/2021 đến ngày 20/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang Bảo lãnh (có mặt).

- Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn C theo chỉ định: Ông Nguyễn Hữu Hòa - Luật sư văn phòng Luật sư Đặng Dư và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị hại:

1- Công ty vàng bạc đá quý T - người đại diện theo pháp luật bà Lý Thị Thanh T - Chức vụ Tổng giám đốc Công ty vàng bạc đá quý T. Địa chỉ: Số nhà 339, đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Hồng T, theo văn bản ủy quyền

ngày 01/11/2021(có mặt).

2- Ông Trần Đình T1, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số nhà 74, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

3- Bà Phạm Thu H, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số nhà 24, đường N, phố H, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

4- Bà Đinh Thị N, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số nhà 371, phố Đ, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số nhà 07, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Nguyễn Văn C và Ngô Thị T kết hôn năm 2003, sau khi kết hôn T được cô ruột của C là Nguyễn Thị H1 làm Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần vàng bạc đá quý T có địa chỉ tại số 339, đường T, phường V, thành phố N nhận vào làm nhân viên bán hàng tại cửa hàng vàng bạc tầng 1, tòa nhà 03 tầng, số 178 mới (số 77 cũ) phường V, thành phố N, Tầng 2, tầng 3 của tòa nhà là nơi ở của gia đình bà H1, toàn bộ chìa khóa quầy vàng bạc, chìa khóa kết, chìa khóa cửa ra vào bà H1 giao cho Toa trực tiếp quản lý sử dụng. Còn C được nhận vào làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T có địa chỉ tại số 07, đường L, phường V do chồng bà H1 là ông Đinh Ngọc V làm Giám đốc.

1. Các vụ án lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản :

Thông qua giao dịch với khách hàng tại Quỹ tín dụng T, C quen biết ông Trần Đình T1 sinh năm 1957 trú tại số 74 phố V, phường T, thành phố N, bà Đinh Thị N, sinh năm 1959 trú tại số 731, phố Đ, phường B, thành phố N và quen biết bà Phạm Thu H sinh năm 1950, chồng là ông Lê Văn Q hàng xóm của C. Để có tiền chơi chứng khoán vàng và cá độ bóng đá trên mạng, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2011 đến tháng 6/2011 C đã nhiều lần đến nhà các ông bà Phạm Thu H, Trần Đình T1 và Đinh Thị N vay nợ tổng số tiền **1.315.000.000** đồng, sau đó cùng gia đình bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh việc trả nợ, cụ thể như sau :

- **Vụ thứ nhất :** Trong các ngày 06/3/2011, 11/3/2011, 23/5/2011 và ngày 24/5/2011, C đã 04 lần đến nhà ông T1 hỏi vay tổng số tiền 850.000.000 đồng (ngày 06/3/2011 vay 150.000.000 đồng, ngày 11/3/2011 vay 100.000.000 đồng, ngày 23/5/2011 vay 400.000.000 đồng, ngày 24/5/2011 vay 200.000.000 đồng), ông T1 đồng ý, C đã viết giấy vay tiền hẹn đến ngày 15/6/2011 sẽ trả (hai bên không thỏa thuận lãi xuất), sau khi nhận tiền C đã đưa giấy cho ông T1 giữ. Riêng giấy vay số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 23/5/2022, ông T1 yêu cầu phải có chữ ký xác nhận của T, nên T đã đến nhà ông T1 ký xác nhận cho C vay tiền, đến hạn C không trả nợ cho ông T1, T1 đã hỏi C về số tiền nợ ông T1 thì C nói dối T1 là đã trả nợ cho ông T1, nhưng thực tế C chưa trả.

- **Vụ thứ hai :** Khoảng tháng 5/2011, C đến nhà bà Đinh Thị N hỏi vay số tiền 185.000.000 đồng, bà N đồng ý cho vay và C đã viết giấy vay hẹn trong

thời hạn 01 tháng sẽ trả (hai bên không thỏa thuận lãi xuất), sau khi nhận tiền C đã đưa giấy vay nợ cho bà N giữ nhưng bà N đã làm mất, quá trình điều tra C thừa nhận có vay của bà N số tiền 185.000.000 đồng nhưng chưa trả nợ.

- **Vụ thứ ba :** Trong các ngày 13/01/2011 và 17/3/2011, C đã 03 lần đến nhà vợ chồng bà Phạm Thu H, ông Lê Văn Q vay tổng số tiền 280.000.000 đồng (ngày 13/01/2011 C vay 02 lần với số tiền là 30.000.000 đồng, ngày 17/3/2011 vay 250.000.000 đồng), C viết giấy vay hạn đến ngày 17/6/2011 sẽ trả (hai bên không thỏa thuận lãi xuất), sau khi nhận tiền C đã đưa giấy cho bà H và ông Q giữ, đến nay C chưa trả nợ cho bà H ông Q.

2. Vụ án trộm cắp tài sản :

Do việc chơi chứng khoán vàng và cá độ bóng đá trên mạng bị thua lỗ, nợ tiền của nhiều người không có tiền trả, nên C đã nảy sinh ý định lấy trộm vàng của Công ty vàng bạc đá quý T để bán. Do C thường xuyên đến nhà bà H1 chơi nên biết quy luật sinh hoạt của gia đình bà H1, biết được việc gia đình nhà bà H1 đi vắng nhiều ngày, cả tòa nhà 03 tầng không có ai trông coi, nên khoảng 19 giờ ngày 24/6/2011 lợi dụng lúc T không có ở nhà, C đã lấy chìa khóa cửa, khóa cửa hàng vàng bạc của T để ở nhà gồm 02 chùm, các chìa được đánh số 1,2,3,4..và điều khiển cửa cuốn, sau đó đi xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đen của T ra cửa hàng vàng bạc, đến nơi C dựng xe ở ngoài và dùng chìa khóa mở khóa cửa, mở cửa cuốn và đi vào trong, từ ánh sáng đèn điện mờ đã bật sẵn, C đi đến tủ quầy bán vàng gỡ vải che kính xuống và dùng chìa khóa mở tủ quầy ra và lấy vàng, bạc, dây chuyền, vàng miếng, tổng cộng khoảng 45 cây cho vào túi áo, túi quần, sau đó C khóa quầy tủ vải lên, khóa cửa lại như cũ và mang vàng bạc bán cho các cửa hàng vàng ở địa bàn thành phố N được khoảng hơn 1,5 tỷ đồng, C bỏ tiền vào cốp xe mô tô và mang trả nợ sau đó đi về nhà và để 02 chùm chìa khóa ở vị trí cũ.

Sáng hôm sau ngày 25/6/2011, khi T chuẩn bị đi làm thì C nói với T là tối hôm qua C đã lấy trộm khoảng 45 cây vàng của cửa hàng đã mang đi bán và trả nợ, C nói với T không được nói cho ai biết và hứa vài ngày sau sẽ hoàn trả lại như cũ, T liền đi đến cửa hàng mở cửa và bỏ vải phủ trên mặt quầy ra thấy bên trong quầy vàng bạc bị thiếu, sắp xấp lộn xộn, sợ bị phát hiện và chờ đợi C mang vàng về trả lại, T đã bày lại các ngăn tủ, sắp xếp thưa ra, bố trí, trưng bày lại vàng bạc trong các ngăn tủ, lấy vàng cất trong két bày thêm vào để che mắt mọi người.

Đến cuối tháng 6/2011 T giục C mang vàng về hoàn trả cho cửa hàng để kiểm kê, thanh toán với Công ty, C nói với T là chơi cá độ bóng đá và chứng khoán vàng trên mạng bị thua lỗ, vay nợ tiền của nhiều người, tiền bán vàng đã trả nợ và chơi hết không có khả năng hoàn trả lại, T nói phải báo về Công ty cho cô H1 biết, C nói với T nếu báo cho cô H1 biết có thể hai vợ chồng phải ngồi tù và rủ T bỏ trốn, C dọa nếu T không cùng bỏ trốn C sẽ tự tử, T sợ nên đã đồng ý bỏ trốn cùng với C.

Ngày 29/6/2011, buổi sáng T vẫn đi làm bình thường, đến chiều ngày 29/6/2011, T khóa quầy vàng bỏ khóa vào két sắt, khóa két sắt và khóa cửa ra vào mang chìa khóa gửi chị Nguyễn Thị D là thủ quỹ của cửa hàng, còn C mang xe mô tô đi bán, sau đó cùng với T và con gái là Nguyễn Huyền D sinh năm

2004 trốn khỏi địa phương đi vào thuê nhà trọ của ông Trần Xuân C, sinh năm 1967 trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để ở. Để tránh sự phát hiện T đổi họ tên thành Trần Thị N sinh ngày 18/10/1978 (Trần Thị N là tên của chị dâu T), cháu Nguyễn Huyền D đổi tên thành Nguyễn Diệp A sinh ngày 22/02/2004, còn C đổi tên thành Nguyễn Văn M sinh ngày 05/5/1977 (là tên của anh trai C), lấy quê quán là ở thị trấn S- tỉnh Lao Cai.

Ngày 30/6/2011, không thấy T đi làm chị D đã bàn giao toàn bộ chìa khóa cửa hàng cho anh Bùi Văn C là trưởng phòng kinh doanh của Công ty, đồng thời báo cáo với Công ty về việc không liên lạc được với T và không thấy T đến làm việc, Công ty đã niêm phong chìa khóa và trình báo sự việc với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N.

*** Căn cứ bản vẽ sơ đồ hiện trường ngày 03/7/2011.**

- Hiện trường của vụ án là cửa hàng bán vàng bạc, đặt ở tầng 1 tòa nhà 03 tầng của Công ty cổ phần Vàng-Bạc đá quý T, có địa chỉ số 178 mới (số cũ 77), phường V, thành phố N, quầy bán hàng vàng bạc có 02 cửa ra vào, cửa chính phía Đông và cửa phụ phía Tây được thông nhau bằng lối đi chung ở giữa, cửa chính và cửa phụ đều có 02 lớp cửa, cửa xếp sắt bên ngoài và cửa cuốn bên trong. Bên trong quầy được bố trí sắp xếp, giáp cửa chính phía Đông bên tay trái kê 01 tủ quầy bán hàng vàng bạc hình chữ L làm bằng Nhôm kính, bên trong quầy bán hàng giáp tường là Két sắt và 01 tủ treo dùng để trưng bày vàng bạc, 01 bàn gỗ nhỏ là nơi để thiết bị thử vàng. Giáp cửa phụ phía Tây bên tay trái kê 01 bộ bàn 04 ghế, bên trong giáp tường kê 01 két sắt, trong cùng là 01 bàn gỗ hình chữ L và 02 ghế gỗ để nhân viên ngồi làm việc.

*** Kết quả kiểm tra xác định số lượng tài sản bị mất.**

- Ngày 03/7/2011, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Công ty cổ phần vàng bạc đá quý T đã tiến hành mở niêm phong lấy chìa khóa mở két sắt phát hiện, bên trong két sắt có 05 chùm chìa khóa không sử dụng, 03 quyển sổ ghi chép của T, 01 tập thẻ quầy hàng và bảng cân đối hàng hóa tháng 5/2011, 01 tập nhật ký báo cáo bán hàng gồm 10 tờ, 01 tập phiếu xuất kho. Tiến hành phá mở ngăn nhỏ để vàng, bạc trong két sắt, đồng thời kiểm kê số lượng vàng bạc còn trong quầy tủ bán hàng, đối chiếu với sổ sách, xem xét nhật ký bán hàng do T viết từ ngày 01/6/2011 đến ngày 24/6/2011, xác định số lượng vàng bạc do T quản lý bị mất trị giá là **1.587.646.960** đồng, cụ thể như sau :

Vàng 24K, 348,992 chỉ x 3.775.000 đồng/chỉ = 1.317.444.800 đồng.

Vàng SJC, 70 chỉ x 3.785.000 đồng/chỉ = 264.950.000 đồng.

Vàng PNJ, 1,338 chỉ x 2.300.000 đồng/chỉ = 3.077.400 đồng.

Bạc cân, 18,123 chỉ x 120.000 đồng/chỉ = 2.174.760 đồng.

Căn cứ kết quả điều tra, ngày 16/11/2011 Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/CQCSĐT, khởi tố bị can số 05/CQCSĐT; ra quyết định truy nã số 01/CSĐT, ngày 18/11/2011 đối với Ngô Thị T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong quá trình bỏ trốn tại tỉnh Đắk Nông, vợ chồng C, T sinh thêm được 03 người con là Nguyễn Diệp A sinh năm 2014, Nguyễn Diệp C sinh năm 2017, Nguyễn Gia N sinh năm 2019. Đến ngày 21/9/2021 Công an tỉnh Đắk Nông bắt được Ngô Thị T theo lệnh truy

nã và đã chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra Nguyễn Văn C, Ngô Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

*** Kết quả định giá tài sản.**

- Ngày 26/01/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số 21/YCĐG-VPCQCSĐT. Tại kết luận định giá tài sản số 10/2022/KL-HĐĐGTS, ngày 03/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận:

Vàng 24K, 348,992 chỉ x 3.790.000 đồng/chỉ = 1.322.679.680 đồng.

Vàng SJC, 70 chỉ x 3.790.000 đồng/chỉ = 256.300.000 đồng.

Vàng PNJ, 1,338 chỉ x 3.790.000 đồng/chỉ = 5.071.020 đồng.

Tổng là = **1.593.050.700 đồng.**

Riêng đối với tài sản là Bạc, không có báo giá, không có niêm yết giá tại thời điểm định giá, nên không đủ căn cứ để xác định giá trị tài sản.

*** Trách nhiệm Dân sự.**

- Tháng 6/2016 bà Nguyễn Thị H1 Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần vàng bạc đá quý T thôi giữ chức Tổng giám đốc, Công ty đã bổ nhiệm bà Lý Thị Thanh T làm Tổng giám đốc thay bà H1. Ngày 01/11/2021 bà Lý Thị Thanh T đã ký công văn số 10/TL-VBĐQTC, cử đại diện là bà Nguyễn Thị Hồng T sinh năm 1986 thay mặt cho Công ty cổ phần vàng bạc đá quý T tham gia tố tụng. Đại diện cho Công ty cổ phần vàng bạc đá quý T yêu cầu Nguyễn Văn C phải trả lại cho Công ty số tiền **1.595.225.460** đồng, gồm: Giá trị tài sản theo định giá là 1.593.050.700 đồng và Bạc cân 18,123 chỉ x 120.000 đồng/chỉ (tính theo đơn giá tại biên bản kiểm tra của Công ty) là 2.174.760 đồng.

- Trong quá trình điều tra bà Phạm Thu H, ông Trần Đình T1 và bà Đinh Thị N đã có đơn yêu cầu Nguyễn Văn C trả lại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể: Trả lại cho bà Phạm Thu H số tiền là 280.000.000 đồng; Trả lại cho ông Trần Đình T1 số tiền là 850.000.000 đồng; Trả lại cho bà Đinh Thị N số tiền là 185.000.000 đồng.

- Ngày 09/5/2022, Ngô Thị T đã tự nguyện nộp số tiền 30.200.000 đồng tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình, để bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của Nguyễn Văn C gây ra.

*** Về vật chứng của vụ án.**

- Trong quá trình phạm tội Nguyễn Văn C sử dụng chiếc xe mô tô YAMAHA làm phương tiện, C, T khai nhận chiếc xe YAMAHA là xe của T, còn xe của C là xe JUPITER, trước khi bỏ trốn C đã bán cả hai chiếc xe nêu trên, do thời gian đã lâu C, T không nhớ đặc điểm, biển kiểm soát, không nhớ mua của ai, bán cho ai ở đâu, giá bao nhiêu, nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Tại phiên tòa các bị cáo C, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng truy tố, trong thời gian từ ngày 13/01/2011 đến tháng 5/2011, C nhiều lần vay tiền của các bị hại là bà Phạm Thu H 280.000.000 đồng, ông Trần Đình T 850.000.000 đồng, bà Đinh Thị N 185.000.000 đồng, tổng cộng là: 1.315.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân và buôn bán chứng khoán vàng,

chơi cá độ bóng đá trên mạng dẫn đến không có khả năng trả nợ. Đến khoảng 19 giờ ngày 24/6/2011, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty cổ phần vàng bạc đá quý T thành phố N, Nguyễn Văn C đã lén lút chiếm đoạt số vàng bạc trị giá 1.595.225.460 đồng, mang đi bán để chi tiêu cá nhân, sau đó C đã cùng vợ con thay đổi họ tên, bỏ trốn vào tỉnh Đắk Nông từ năm 2011 cho đến khi bị bắt.

Ngô Thị T biết chồng là Nguyễn Văn C trộm cắp tài sản vàng bạc trị giá 1.595.225.460 đồng, nhưng không trình báo, đã tự lấy số lượng vàng, bạc còn lại trong tủ sắp xếp lại bù vào số lượng vàng bạc bị thiếu hụt do C trộm cắp nhằm để che dấu mọi người, sau đó cùng với chồng bỏ trốn khỏi địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C nhất trí với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo về tội danh và điều luật. Quá trình điều tra bị cáo C đã thật thà khai báo về hành vi của mình, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo đã nộp số tiền 30.200.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Nguyễn Văn C để xét xử về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự. Ngô Thị T về tội “*Che dấu tội phạm*” theo điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; bị cáo Ngô Thị T phạm tội “*Che dấu tội phạm*”.

Đối với Nguyễn Văn C: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Văn C từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Văn C từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 25 đến 27 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/01/2022.

Đối với Ngô Thị T: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Ngô Thị T từ 24 đến 30 tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo được đối trừ 121 (từ ngày 21/9/2021 đến ngày 20/01/2022) đã tạm giữ, tạm giam, quy đổi thành 363 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện N, tỉnh Nam Định cùng gia đình bị cáo giám sát giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự : Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại cho Công ty cổ phần vàng bạc đá quý T số tiền là 1.595.225.460 đồng. Trả lại cho bà Phạm Thu H số

tiền là 280.000.000 đồng, trả lại cho ông Trần Đình T1 số tiền là 850.000.000 đồng, trả lại cho bà Đinh Thị N số tiền là 185.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý số tiền 30.200.000 đồng gia đình bị cáo Nguyễn Văn C nộp thay cho bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo C phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình, bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử cho vợ của bị cáo là Ngô Thị T được cải tạo tại địa phương. Bị cáo T đề nghị xem xét được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các lời khai của các bị hại phù với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 10/2022/KL-HĐĐGTS, ngày 03/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình, phù hợp với cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng sự quen biết với khách hàng đến Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T nơi Nguyễn Văn C làm việc để giao dịch, trong thời gian từ ngày 13/01/2011 đến tháng 5/2011, C nhiều lần đến nhà và viết giấy vay tiền của các bị hại là bà Phạm Thu H 280.000.000 đồng, ông Trần Đình T1 850.000.000 đồng, bà Đinh Thị N 185.000.000 đồng, tổng là **1.315.000.000** đồng để chi tiêu cá nhân và buôn bán chứng khoán vàng, chơi cá độ bóng đá trên mạng dẫn đến không có khả năng trả nợ. Đến khoảng 19 giờ ngày 24/6/2011, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty cổ phần vàng bạc đá quý T thành phố N, Nguyễn Văn C đã lén lút chiếm đoạt số vàng bạc trị giá **1.595.225.460** đồng, mang đi bán để chi tiêu cá nhân, sau đó C đã cùng vợ con thay đổi họ tên, bỏ trốn vào tỉnh Đắk Nông từ năm 2011 cho đến khi bị bắt.

Ngô Thị T biết chồng là Nguyễn Văn C trộm cắp tài sản trị giá **1.595.225.460** đồng, nhưng không trình báo, đã tự lấy số lượng vàng, bạc còn lại trong tủ sắp xếp lại bù vào số lượng vàng bạc bị thiếu hụt do C trộm cắp nhằm để che dấu mọi người, sau đó cùng với chồng bỏ trốn khỏi địa phương, thay tên đổi họ tên, giấu địa chỉ từ năm 2011 cho đến năm 2021.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “*Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (áp dụng Điều luật có lợi cho bị cáo).

Hành vi nêu trên của Ngô Thị T đã phạm tội “*Che giấu tội phạm*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015 (áp dụng Điều luật có lợi cho bị cáo).

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.....

3.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá 5000.000.000 đồng trở lên.

b

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b.....

2.

3.

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản..

Điều 389. Tội che giấu tội phạm.

1. Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây của Bộ luật này, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.

a.....

b.....

c : Điều 168, Điều 169, các khoản 2,3,4 Điều 173.....

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Ngô Thị T với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần được chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C là đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung. Hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Thị T ít nghiêm trọng nhưng gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử nên cũng cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp:

3.1. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 2 lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã nhờ gia đình nộp số tiền 30.200.000 đồng, khắc phục một phần nhỏ hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra; bị cáo có bố để tham gia cách mạng, được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần tổng hợp hình phạt của cả hai tội theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải cách ly xã hội một thời gian dài là phù hợp với những quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Vợ chồng Bị cáo C không còn tài sản riêng, phải nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

3.2. Đối với bị cáo Ngô Thị T, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt truy nã, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố để là thương binh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị bắt tại tỉnh Đắk Nông theo quyết định truy nã nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Ngô Thị T phải chịu hình phạt cách ly với xã hội một thời gian là phù hợp với những quy định của pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho bị cáo được áp dụng hình phạt *Cải tạo không giam giữ* là không tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện và hậu quả đã gây ra.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại tổng số tiền 1.315.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau: Ông Trần Đình T1 850.000.000 đồng; bà Phạm Thu H 280.000.000 đồng; bà Đinh Thị N 185.000.000 đồng;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại tổng số tiền 1.595.000.000 đồng đã chiếm đoạt của Công ty vàng bạc đá quý T.

Ghi nhận sự tự nguyện số tiền 30.200.000 đồng của gia đình bị cáo để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả trả lại cho những người bị hại

[4] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý số tiền 30.200.000 đồng do gia đình bị cáo C nộp để đảm bảo thi hành án.

[5] Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra xác định, toàn bộ số tiền do phạm tội mà có C đã sử dụng chi tiêu riêng cho cá nhân, T không biết, không được sử dụng cùng. Do đó Ngô Thị T không phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại do C gây ra.

- Đối với số vàng bạc C trộm cắp sau đó mang đi bán, C khai nhận không nhớ bán cho cửa hàng nào, bán cho ai, địa chỉ ở đâu, số lượng là bao nhiêu, không nhớ tên tài khoản, trang web đã buôn bán chứng khoán vàng, cá độ bóng đá, nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

- Đối với ông Trần Xuân C trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, là người đã cho vợ chồng C, T thuê trọ, do không biết vợ chồng C, T đã đổi tên họ khác, không biết hành vi phạm tội của vợ chồng C, T, nên không có căn cứ để xử lý đối với ông Trần Xuân C.

- Đối với vợ chồng anh chị Trần Thị N và Nguyễn Văn M trú tại huyện N, tỉnh Nam Định, không biết vợ chồng C, T sử dụng danh tính của mình để thay đổi tên họ, không biết nơi ở và hành vi phạm tội của vợ chồng Cảnh, Toa. Do vậy không bị xem xét xử lý là đúng pháp luật.

- Đối với tài sản, nhà, đất của Nguyễn Văn C và Ngô Thị T, quá trình điều tra, xác định :

+ Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên Nguyễn Văn C, Ngô Thị T, Trần Thị N, Nguyễn Văn M và Nguyễn Diệp A.

+ Năm 2003 UBND huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đã cấp cho vợ chồng Ngô Thị T, Nguyễn Văn C thửa đất số 129, tờ bản đồ số 09, diện tích 433m² tại thôn N, xã H. Nguyễn Văn C và Ngô Thị T đã thế chấp vay Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T thành phố N 500.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

+ Năm 2009, Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S6AQ 134690 cho Nguyễn Văn C và Ngô Thị T, đồng sở hữu diện tích 44m² đất tại đường Đ, phố H, phường N, thành phố N. Đến ngày 11/11/2009, Nguyễn Văn C và Ngô Thị T đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Dầu Khí T - Chi nhánh N vay 300.000.000 đồng.

Sau khi C và T bỏ trốn, tháng 6/2012 bà Nguyễn Thị H1 đã bỏ ra 226.560.000 đồng đưa cho ông Nguyễn Văn C1 sinh năm 1945, trú tại thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định là bố đẻ của C để trả tiền gốc, lãi và cam kết với ngân hàng xóa thế chấp khoản vay nợ cho vợ chồng C, T. Ngân hàng đã trả lại cho ông C1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S6AQ 134690, ông C1 đã

đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà H1 giữ. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã yêu cầu bà H1 giao nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S6AQ 134690, nhưng bà H1 chỉ giao nộp được cho Cơ quan điều tra bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 13/10/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã có văn bản số 1317,1319/CV-VPCQCSĐT, gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định, đề nghị tạm dừng các thủ tục đăng ký biến động đối với 02 thửa đất thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn C và Ngô Thị T nêu trên.

+ Ngày 28/02/2022 Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở TN& MT tỉnh Ninh Bình có văn bản số 128/VPĐK-ĐKCG, gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình với nội dung: Hiện nay vị trí thửa đất số 55, tờ bản đồ số 1, diện tích 44m² tại đường Đ, phố H, phường N, thành phố N, mang tên Nguyễn Văn C và Ngô Thị T chưa thực hiện thủ tục đăng ký chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Ngày 27/10/2021 Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở TN& MT tỉnh Nam Định có văn bản số 781/VPĐK-ĐKĐĐ, gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình với nội dung: Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 09, diện tích 433m² tại thôn N, xã H, tỉnh Nam Định không có biến động.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Ngô Thị T bị kết án có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn C phải án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải hoàn trả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Ngô Thị T;

Căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; bị cáo Ngô Thị T phạm tội “*Che dấu tội phạm*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 13 (mười ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 26 (hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 20/01/2022;

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 06 (sáu) tháng tù về tội “*Che dấu tội phạm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi số ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 20/1/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại tổng số tiền 1.315.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau: Ông Trần Đình T1 số tiền **850.000.000** đồng; bà Phạm Thu H số tiền **280.000.000** đồng; bà Đinh Thị N số tiền **185.000.000** đồng;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Cảnh phải trả lại cho Công ty vàng bạc đá quý T tổng số tiền là: **1.595.000.000** đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn C đã nộp số tiền 30.200.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho những người bị hại

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả hết số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Tiếp tục quản lý số tiền 30.200.000 đồng gia đình bị cáo nộp thay cho bị cáo để đảm bảo thi hành án (*theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0000205 ngày 09/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình*).

4. Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 89.600.000 đồng (*Tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (07 bản);
 - Phòng PC01 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (02 bản);
 - Bị hại (4 bản); Người bào chữa (01 bản)
 - Trại giam (01 bản);
 - Người có QLNV LQ (01 bản);
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa , Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Đức Hiệp

